

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày: 19-8-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Ông Nguyễn Văn Bé

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HS, ngày 13 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Từ Nam Hòa**, sinh năm 1988; tại thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 6, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Từ Kim N và bà Trầm Thu H; Vợ: Văn Thu H đã ly hôn; Có 01 người con sinh năm 2009; Tiền sự: có 02 tiền sự (Ngày 10/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; Ngày 18/11/2019 bị Công an P5, thành phố TV xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (chưa đóng phạt); Tiền án: Không; Nhân thân xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 06/5/2020 chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Đoàn Thị Thanh T**, (tên gọi khác N), sinh năm 1987; tại thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 2, phường 5, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Thanh T và bà Phòng Thị Thanh V; Tiền sự: có 02 tiền sự (Ngày 10/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; Ngày 18/11/2019 bị Công an P5, thành phố TV xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (chưa đóng phạt).; Tiền án: Không, Nhân thân xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/4/2020 đến ngày 06/5/2020 chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại:*

Chị Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp TĐ, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 1, phường 3, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh

2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1974. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: khóm 8, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Trầm Thu H, sinh năm 1956; (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 6, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/4/2020, bị cáo Từ Nam H cùng với bị cáo Đoàn Thị Thanh T đến gặp ông Lê Văn H để hỏi mua một chiếc xe mô tô hiệu Wave màu đỏ, biển số 64K3-8341 nhưng trước khi mua H thỏa thuận với ông Lê Văn H là cho H mượn xe chạy thử vài ngày để xác định chất lượng xe, nếu xe còn chạy tốt thì sẽ trả tiền, ông Lê Văn H đồng ý nên giao xe mô tô trên cho H và T (chưa làm thủ tục mua bán và cũng chưa giao giấy chủ quyền đăng ký xe) chạy thử.

Đến khoảng 11 giờ ngày 21/4/2020, Từ Nam H điều khiển xe mô tô trên chở Đoàn Thị Thanh T từ thành phố TV đi huyện T chơi, đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H cùng với T quay về thành phố TV. Khi đi đến đoạn gần Công ty trách nhiệm hữu hạn giày da MP thuộc ấp TĐ, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì H và T phát hiện quán cà phê vông nằm bên tay phải theo chiều đi của H và T nên cả hai ghé vào nằm vông để uống nước, quán cà phê do chị Phan Thị Mỹ T thuê lại của ông HT nhưng khi vào đến quán thì thấy quán đã đóng cửa (nghỉ bán) nên T và H nằm vông ở bên ngoài hành lang của quán nước. Trong lúc nằm

võng, H nhìn thấy các hộp sữa để trong quán nên H lấy khúc cây khiêu lấy hộp sữa để sử dụng vì không có ai ở trong quán, khi bị cáo H đang khiêu lấy hộp sữa thì thấy ông HT đi đến quán nên H, T nghỉ khiêu và đi ra nằm võng, ông HT hỏi “Kiếm ai vậy?”, bị cáo T trả lời: “Kiếm chủ nhà nhưng chị không có ở nhà”, ông HT hỏi tiếp “Sao không gọi điện?”, bị cáo H trả lời: “Gọi mà không bắt máy”, khi ông HT đã đi khỏi quán thì H và T tiếp tục dùng cây khiêu lấy hộp sữa, sau đó H phát hiện một chùm chìa khóa cửa lúc này H và T nhìn thấy bên trong quán có 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius RC FI, màu đen - xám - vàng, biển kiểm soát 62M1-410.15 đang đậu trong quán không có người trông coi nên T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. Lúc này, T nói với H “Lấy chìa khóa ra mở cửa thử coi, nếu mở được thì lấy chiếc xe đó bán luôn nghe” và H đồng ý. Khi H khiêu lấy được chùm chìa khóa thì H đưa chìa khóa cho T. Sau đó T lấy chùm chìa khóa trên mở cửa quán nhưng không mở được, một lúc sau T tìm được một chùm chìa khóa khác gồm có 03 chìa được để trong vách tol bên phải cánh cửa trước nên T lấy chùm chìa khóa đó để mở thì mở được cửa quán nước. Sau khi mở cửa quán, T đi vào phòng ngủ bên trong quán (phòng ngủ không khóa cửa) với mục đích là tìm chìa khóa xe của xe mô tô biển số 62M1-410.15. Khi vào bên trong phòng ngủ, T phát hiện và đã lấy một bọc nylon đựng 05 lóc sữa hộp gồm khoảng 20 hộp sữa và 01 chìa khóa xe, sau đó T đến vị trí chiếc xe biển số 62M1-410.15 dùng chìa khóa xe mở khóa và dẫn xe mô tô trên ra bên ngoài quán. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 62M1-410.15 mà H và T vừa trộm được về hướng thành phố TV, còn H điều khiển xe mô tô biển số 64K3-8341 chạy theo sau T. Khi đi đến khu vực bãi rác TV thuộc xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh thì T nảy sinh ý định đem xe mô tô biển số 62M1-410.15 đi cầm để lấy tiền tiêu xài. Do sợ khi đi cầm xe sẽ bị phát hiện nên T kêu H tháo và ném bỏ biển số xe 62M1-410.15 (không nhớ vị trí), sau đó H tháo và gắn biển số xe 64K3-8341 mà H đang điều khiển vào xe mô tô vừa trộm được, T thì tháo kiếng xe và miếng niêm rô số “39” của xe mô tô 62M1-410.15 ném bỏ nhằm tránh bị phát hiện. Khi H thay biển số xe xong, T tiếp tục điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến nhà nghỉ DP do bà Nguyễn Thị Ngọc T làm chủ, còn H cũng điều khiển xe theo sau T. Khi gặp chị Nguyễn Thị Ngọc T, T nói: “Chị cầm dùm em chiếc xe với giá 3.000.000 đồng”, chị Nguyễn Thị Ngọc T hỏi “Xe của ai mà cầm”, thì T nói xe của gia đình, em kẹt tiền quá nên đi cầm, nghe T nói vậy nên chị Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý cầm chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, T và H đem xe mô tô biển số 64K3-8341 đến nhà ông Lê Văn H để trả lại cho ông Lê Văn H, H và T không mua xe của ông Lê Văn H. Sau đó, H và T cùng tiêu xài cá nhân hết số tiền trên, đối với 05 lóc sữa thì T và H cũng sử dụng hết.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, chị Phan Thị Mỹ T trở về đến nhà thì phát hiện bị mất xe mô tô nêu trên nên chị T trình báo cơ quan Công an.

Đến ngày 27/4/2020 Từ Nam H và Đoàn Thị Thanh T biết được Công an huyện T mời T và H làm việc nên H, T tự nguyện đến Công an huyện T đầu thú để hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, tại cơ quan điều tra H và T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

\* Vật chứng:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius RC FI, màu đen xám vàng, số khung 1710GY057023, số máy E3T6E084715, bánh mâm, thắng đĩa;

+ 01 (một) biển số xe 64K3-8341 (do H gắn vào xe mô tô trộm được);

+ 01 (một) miếng giấy ghi nội dung việc bị cáo T thế chấp xe vừa trộm cho chị Nguyễn Thị Ngọc T với giá 3.000.000 đồng;

+ Tiền Việt Nam: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) do mẹ ruột của bị cáo H tên Trầm Thu H tự nguyện tặng, cho bị cáo H và bị cáo T để bồi thường khắc phục hậu quả;

Tại kết luận định giá tài sản số: 14/KLGD, ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Giá trị một xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius RC FI bánh mâm thắng đĩa tại thời điểm ngày 21/4/2020 có giá 9.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 15/KLGD, ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Giá trị 05 lốc sữa gồm 20 hộp sữa tại thời điểm ngày 21/4/2020 là 184.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H và bị cáo T chiếm đoạt là 9.184.000đ

\* Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius RC FI, màu đen, xám, vàng, số khung 1710GY057023, số máy E3T6E084715, bánh mâm, thắng đĩa cho bị hại chị Phan Thị Mỹ T; trả cho ông Lê Văn H một biển số xe 64K3-8341 và trao trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 3.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị Mỹ T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét..

Tại Cáo trạng số: 34/CT-VK-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về vụ án như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo Từ Nam H và Đoàn Thị Thanh T từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về vật chứng: Do cơ quan chức năng đã giao trả cho chủ sở hữu xong nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bị hại chị Phan Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu do đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, nên không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu do đã nhận lại đủ tiền cầm xe xong và không yêu cầu giải quyết.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu rõ không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã khắc phục hậu quả bằng 3.000.000 đồng và không yêu cầu giải quyết.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn có nêu do đã nhận lại biển số xe xong và không yêu cầu giải quyết.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị hại chị Phan Thị Thu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trầm Thu H, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời Trầm Thu H, bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Lê Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

những người nêu trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã nêu.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng với các lời khai trước đây tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 21/4/2020, các bị cáo Từ Nam H, Đoàn Thị Thanh T đã lén lút trộm một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius RC FI, màu đen, xám, vàng biển kiểm soát 62M1-410.15 và 20 hộp sữa tươi của chị Phan Thị Mỹ T tại quán cà phê vông thuộc ấp TĐ, xã HT, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Giá trị tài sản thiệt hại là 9.184.000 đồng và ngày 18/11/2019 các bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa tiền sự nên hành vi trộm cắp ngày 21/4/2020 của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng số: 34/CT-VKS-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản mặc dù đã được giáo dục cải tạo một thời gian nhất định, lẽ ra các bị cáo phải nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo tiếp tục lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Hiện nay địa bàn huyện T tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết phải tuyên cho các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục

bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[5]. Về tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo không có.

Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo tự nguyện đến Công an huyện T đầu thú, bị cáo H có tác động đến gia đình bị cáo và mẹ bị cáo là bà H đã khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo .

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Phan Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận lại số tiền cầm xe và bà Trần Thu H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã khắc phục hậu quả bằng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7]. Về vật chứng: Do cơ quan chức năng đã giao trả cho các chủ sở hữu xong nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Tuyên bố:**

Các bị cáo Từ Nam H, Đoàn Thị Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

1. Bị cáo Từ Nam H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/04/2020.

2. Bị cáo Đoàn Thị Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/04/2020.

### **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại chị Phan Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét .

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận lại số tiền cầm xe và bà Trần Thu H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã khắc phục hậu quả bằng 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về vật chứng:** Do cơ quan chức năng đã giao trả cho các chủ sở hữu xong nên Hội đồng xét xử không xem xét .

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Từ Nam H, Đoàn Thị Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt tại Tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GDKT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Ngoan**